

Số: 2164 /BVM-HCQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 7 năm 2026

YÊU CẦU MỜI CHÀO GIÁ

Áp dụng đối với nhu cầu mua sắm gói thầu

“Làm gọn hạ tầng mạng gia đoạn 3 tại Lầu 1, 2, 3 khu A, phòng 17, phòng kính 15A, phòng điện khu B, tủ Rack 58 Bà Huyện Thanh Quan”

Kính gửi: Các Doanh nghiệp, nhà cung cấp, hộ kinh doanh quan tâm.

Bệnh viện Mắt có nhu cầu tiếp nhận chào giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu **“Làm gọn hạ tầng mạng gia đoạn 3 tại Lầu 1, 2, 3 khu A, phòng 17, phòng kính 15A, phòng điện khu B, tủ Rack 58 Bà Huyện Thanh Quan”** với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu chào giá:

- Đơn vị yêu cầu mời chào giá: Bệnh viện Mắt.
- Mã số thuế: 0301483745
- Địa chỉ: Số 280 Điện Biên Phủ, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028 39 325 364.
- Cách thức tiếp nhận tài liệu chào giá: Nhận trực tiếp qua đường văn thư tại địa chỉ: Phòng Hành chính quản trị - Bệnh viện Mắt – Địa chỉ: 280 Điện Biên Phủ, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh.

Trên phong bì ghi rõ:

Tiêu đề: “Chào giá gói thầu: **“Làm gọn hạ tầng mạng gia đoạn 3 tại Lầu 1, 2, 3 khu A, phòng 17, phòng kính 15A, phòng điện khu B, tủ Rack 58 Bà Huyện Thanh Quan”** theo công văn số [điền số công văn]/BVM-HCQT ngày [điền số ngày/tháng/năm của công văn]”.

Nơi nhận: Bộ phận văn thư phòng Hành chính quản trị - Bệnh viện Mắt – 280 Điện Biên Phủ, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Thời hạn tiếp nhận chào giá: Hạn chót đến trước 11 giờ ngày 28 tháng 7 năm 2026.

7. Thời hạn có hiệu lực của chào giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày phát hành chào giá.



II. Danh mục yêu cầu mời chào giá:

1. Danh mục mời chào giá: theo biểu mẫu 02 đính kèm.

2. Địa điểm thực hiện:

- Bệnh viện Mắt – 280 Điện Biên Phủ, phường Xuân hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bệnh viện Mắt - 58 Bà Huyện Thanh Quan, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thời gian thực hiện: 30 ngày.

4. Yêu cầu công việc

STT	Danh mục/hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Chi chú
01	Tủ chứa thiết bị gắn tường	Cái	07	Tủ 9U
02	Bộ chuyển đổi quang điện	Cái	40	
03	Bộ Khung nguồn tập trung 14 khe	Cái	02	
04	Cáp quang treo phi kim loại	Mét	1350	
05	Hộp ODF 24FO trượt	Bộ	06	
06	Hộp ODF 12FO trượt	Bộ	10	
07	Dây nhảy quang	Sợi	44	
08	Cáp đầu nối	Sợi	40	Loại 1.5m
09	Thanh phân phối nguồn điện	Cái	07	
10	Cáp điện	Mét	300	
11	Ổ cắm điện đôi	Cái	06	
12	Cáp mạng Cat6	Thùng	05	
13	Thanh đầu nối	Cái	01	
14	Ổ cắm UTP	Cái	24	Dùng cho thanh đầu nối
15	Cáp đầu nối	Sợi	45	Loại 2.1m
16	Bộ lưu điện	Cái	01	
17	Bộ lắp rack dùng cho bộ lưu điện	Bộ	01	
18	Mặt ổ cắm chữ nhật	Cái	21	

STT	Danh mục/hàng hòa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Chi chú
19	Ổ cắm UTP	Cái	21	Dùng để gắn cho ổ cắm
20	Đế ổ cắm	Cái	21	
21	Gói thi công: cải tạo, làm gọn hạ tầng mạng tại vị trí Lầu 1,2,3 Khu A, Phòng Kính 15A, phòng tủ điện khu B và tủ Rack 58 Bà Huyện Thanh Quan - Phí nhân công thi công và vật tư phụ (trộn gói: ống PVC, Ruột gà, kẹp ống, vít, tacke, cáp căng, băng keo, dây rút, label nhiệt) - Phí nhân công lắp đặt cáp Quang, hàn, kiểm tra. - Phí nhân công dò cáp dán nhãn, đưa cáp vào tủ Rack, làm gọn đường cáp.	Trộn gói	01	

Lưu ý:

- Báo giá phải có ký tên đóng dấu xác thực của Quý Đơn vị. Đơn vị gửi bảng báo giá đề xuất và giấy đăng ký kinh doanh, hồ sơ năng lực hoạt động thuộc lĩnh vực bắt buộc phải có chứng chỉ hoạt động theo quy định.

- Trong tài liệu của Quý Đơn vị khi chào giá gói thầu vui lòng sử dụng đúng biểu mẫu - KHÔNG xóa, KHÔNG thay đổi thứ tự các cột, các nội dung trong các biểu mẫu đính kèm (biểu mẫu 2). Nội dung nào không có thì Quý Đơn vị để trống hoặc ghi không có.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HCQT (TĐL_01b). 

GIÁM ĐỐC


Lê Anh Tuấn



1940
1941
1942
1943
1944
1945
1946
1947
1948
1949
1950
1951
1952
1953
1954
1955
1956
1957
1958
1959
1960
1961
1962
1963
1964
1965
1966
1967
1968
1969
1970
1971
1972
1973
1974
1975
1976
1977
1978
1979
1980
1981
1982
1983
1984
1985
1986
1987
1988
1989
1990
1991
1992
1993
1994
1995
1996
1997
1998
1999
2000
2001
2002
2003
2004
2005
2006
2007
2008
2009
2010
2011
2012
2013
2014
2015
2016
2017
2018
2019
2020
2021
2022
2023
2024
2025





Áp dụng đối với nhu cầu (dịch vụ)/gói thầu “Làm gọn hạ tầng mạng gia đoạn 3 tại Lầu 1, 2, 3 khu A, phòng 17, phòng kính 15A, phòng điện khu B, tủ

Kính gửi: BỆNH VIỆN MẮT

Trên cơ sở yêu cầu chào giá của BỆNH VIỆN MẮT, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của Công ty] xin cung cấp báo giá cho gói thầu/nhu cầu (dịch vụ): “Làm gọn hạ tầng mạng gia đoạn 3 tại Lầu 1, 2, 3 khu A, phòng 17, phòng kính 15A, phòng điện khu B, tủ Rack 58 Bà Huyện Thanh Quan”, như sau:

1. Danh mục:

Đơn vị: đồng.

Stt	Tên Công tác/Nội dung công việc/ Dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (5) = (3) x (4)	Ghi chú (6)
1	(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3) x (4)	(6)
2						
	Tổng cộng					
	Số tiền bằng chữ:.....					

- (1), (2), (3): Dữ liệu lấy từ Công văn mời báo giá của Bệnh viện Mắt.
- (4): Đơn giá đã tính đúng, tính đủ, bao gồm các khoản thuế, phí và lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển, giao hàng (nếu có).
- (5): Thành tiền là giá trị được tính theo công thức: Thành tiền = [Đơn giá] x [số lượng].
2. Chào giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm
3. Thời gian thực hiện: 30 ngày
4. Chế độ bảo hành: 12 tháng (đối với hàng hóa).
5. Điều kiện thanh toán:
6. Chúng tôi cam kết:
- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
 - Những thông tin nêu trong tài liệu trên là trung thực và không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh.

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))



Danh mục, thông số, yêu cầu kỹ thuật chi tiết

Theo yêu cầu chào giá số 2167/TB-HCQT ngày 24/7/2026)

ST T	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật
1	Tủ chứa thiết bị gắn tường	Loại: Treo tường Chiều cao, rộng, sâu (tối thiểu): 9U, 600mm, 450mm Tải trọng tổng: $\geq 100\text{kg}$ Chất liệu: Thép Cửa trước: kính cường lực Khóa : Cửa trước, cửa hông Quạt tản nhiệt : ≥ 1 Tiêu chuẩn tối thiểu: EIA-310-E (ECIA-310-E) Bảo hành: ≥ 12 tháng
2	Bộ chuyển đổi quang điện	≥ 1 cổng 10/100/1000Mbps Gigabit Ethernet Khoảng cách truyền cáp quang: ≥ 20 km Kết nối cổng mạng: RJ45 Cổng kết nối quang: SC Bước sóng quang: 1310 nm Loại tín hiệu: Single-Mode Tốc độ truyền dữ liệu: 10/100/1000 Mbps Gigabit Ethernet Chuẩn giao tiếp: 10Base-TX, 100Base-TX, 100Base-TX, IEEE802.3u, IEEE802.3z, 1000Base-TX, 1000Base-FX Bảo hành: ≥ 12 tháng
3	Bộ Khung nguồn tập trung 14 khe	Chuẩn lắp đặt: Rack 19 inch, chiều cao 2U Số khe cắm: ≥ 14 Công suất tiêu thụ: $\leq 60\text{W}$ Sóng: $\leq 50\text{mv}$ Điện áp vào: AC 100~260V, 50~60HZ, hoặc DC -48V Điện áp ra : DC +5V Tương thích với bộ chuyển đổi quang điện mục 3 Bảo hành: ≥ 12 tháng
4	Cáp quang treo phi kim loại	Loại cáp: Cáp quang treo phi kim loại Số sợi quang: 8FO Single Mode Chuẩn sợi quang: ITU-T G.652D Cấu trúc: Ống đệm lỏng PBT, lõi gia cường FRP, chống thấm SAP Vỏ cáp: Nhựa HDPE màu đen chịu lực, chống tia tử ngoại và côn trùng gặm nhấm Tải trọng cho phép lớn nhất khi lắp đặt: $\geq 2700\text{N}$ Tải trọng cho phép lớn nhất khi làm việc: $\geq 900\text{N}$

ST T	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật
		Bán kính uốn cong nhỏ nhất khi lắp đặt: ≥ 10 lần đường kính cáp
		Bán kính uốn cong nhỏ nhất sau khi lắp đặt: ≥ 20 lần đường kính cáp Nhiệt độ làm việc: -10°C đến $+70^{\circ}\text{C}$ Khoảng vượt treo tối đa: 100 m Bảo hành: ≥ 12 tháng
5	Hộp ODF 24FO trượt	Loại: ODF gắn rack 19’’ Dùng để kết nối và phân phối sợi quang Dung lượng: $\geq 24\text{FO}$ (24 sợi quang) Nhiệt độ làm việc : $-10^{\circ}\text{C} \sim 60^{\circ}\text{C}$. Độ ẩm: $\leq 95\%$ Bảo hành: ≥ 12 tháng
6	Hộp ODF 12FO trượt	Loại: ODF gắn rack 19’’ Dùng để kết nối và phân phối sợi quang Dung lượng: $\geq 12\text{FO}$ (12 sợi quang) Nhiệt độ làm việc : $-10^{\circ}\text{C} \sim 60^{\circ}\text{C}$. Độ ẩm: $\leq 95\%$ Bảo hành: ≥ 12 tháng
7	Dây nhảy quang	Loại đầu nối: SC/UPC – SC/UPC Loại sợi: Single Mode (SM) Kiểu sợi: Duplex (DX) Đường kính cáp: 2.0 mm Chiều dài: $\geq 3\text{m}$ Chuẩn sợi quang: G.652D / G.657A1 / G.657A2 Nhiệt độ hoạt động: -20°C đến $+70^{\circ}\text{C}$ Tiêu chuẩn: IEC 61754 & IEC 60794-2-50, RoHS, REACH Bảo hành : ≥ 12 tháng
8	Cáp đầu nối	Chuẩn cáp : Category 6 Kiểu cáp : U/UTP không chống nhiễu Giao diện đầu nối A/B : RJ45 Chiều dài: $\geq 1.5\text{m}$ Bảo hành : ≥ 12 tháng
9	Thanh phân phối nguồn điện	Số ổ cắm: ≥ 6 Tiêu chuẩn ổ cắm: Universal - IEC 320 C13-IEC 320 C19 Tiêu chuẩn đầu cắm: IEC 60884- IEC 60309-IP 67

ST T	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật
		Điện áp tối đa: 250 V Tần số: 50 Hz
		Số pha: 1 pha Cường độ dòng điện: 16A Bảo vệ: MCB 2 cực Nhiệt độ: 0-40°C Bảo hành: ≥ 12 tháng
10	Cáp điện	Số lõi: 3 Tiết diện : 2.5mm ² Cáp điện áp 0,6/1 kV Bảo hành: ≥ 12 tháng
11	Ổ cắm điện đôi	Số chấu: 3 Số ổ điện liền mặt: 2 Bảo hành: ≥ 12 tháng
12	Cáp mạng Cat6	Chuẩn cáp : Category 6 Cấu trúc: U/UTP (không chống nhiễu) Số cặp dây: 4 pair Tiết diện lõi : 23 AWG Chiều dài cuộn : 305 m Bảo hành: ≥ 12 tháng
13	Thanh đấu nối	Chuẩn: Cat6 Số cổng: ≥ 24 Port Kích thước : 1U, 19" Nhiệt độ hoạt động: -10°C đến +60°C Bảo hành: ≥ 12 tháng
14	Ổ cắm UTP	Chuẩn cáp : Cat6 Dùng cho thanh đấu nối Tiêu chuẩn: ANSI/TIA-568.2-D Dây dẫn: T568A, T568B Kích thước dây đặc: 22-24 AWG Lực giữ: ≥ 50 N Nhiệt độ hoạt động: -10°C đến +60°C Bảo hành: ≥ 12 tháng
15	Cáp đấu nối	Chuẩn cáp : Category 6 Kiểu cáp : U/UTP không chống nhiễu Giao diện đầu nối A/B : RJ45 Chiều dài: ≥ 2.1 m

ST T	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật
		Bảo hành : ≥ 12 tháng
16	Bộ lưu điện	Công suất: > 1 kVA / 0,9 kW Loại UPS: Một pha Công nghệ: Online Hình dạng: Tùy biến Rack/Tower Hệ số công suất : $\geq 0,9$ Chống sét : Có Số pha: 1 Sóng Sin chuẩn Thời gian chuyển mạch : ≤ 0 ms Giao diện hiển thị: LCD & đèn LED Thời gian sạc: $\geq 90\%$ sau ≤ 5 giờ Cổng giao tiếp: RS232 & USB Độ ồn ở khoảng cách 1m: < 50 dB Nhiệt độ hoạt động : $0\sim 40^{\circ}\text{C}$, độ ẩm: $0\sim 95\%$ Bảo hành: ≥ 12 tháng
17	Bộ lắp rack dùng cho bộ lưu điện	Bộ lắp rack dùng cho UPS Bảo hành: ≥ 12 tháng
18	Mặt ổ cắm chữ nhật	Chất liệu: nhựa Kiểu lắp đặt: Âm tường Có nắp che bụi tích hợp Số lượng ổ cắm : ≥ 1 Bảo hành: ≥ 12 tháng
19	Ổ cắm UTP	Chuẩn cáp : Cat6 Dùng để gắn cho ổ cắm Tiêu chuẩn: ANSI/TIA-568.2-D Dây dẫn: T568A, T568B Kích thước dây đặc: 22–24 AWG Lực giữ: $\geq 50\text{N}$ Nhiệt độ hoạt động: -10°C đến $+60^{\circ}\text{C}$ Bảo hành: ≥ 12 tháng
20	Đế ổ cắm	Đế ổ cắm hình chữ nhật Gắn tường Chất liệu : nhựa Bảo hành: ≥ 12 tháng